

CÔNG BÁO

NƯỚC

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

MỤC LỤC

Các văn bản đã ban hành

PHỦ THỦ TƯỚNG

Trang

12-8-1959. — Quy định số 298-TTg về việc đăng ký nhân khẩu toàn miền Bắc năm 1959 (Đã sửa đổi theo thông tư số 021-TTg ngày 14-1-1960 của Thủ tướng chính phủ) 35

Trang

BAN CHỈ ĐẠO ĐIỀU TRA DÂN SỐ TRUNG ƯƠNG

15-1-1960. — Chỉ thị số 28-VP/DS hướng dẫn thi hành bản quy định về việc đăng ký nhân khẩu năm 1960 của Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định số 298-TTg ngày 12-8-1959 nói trên. 37

15-1-1960. — Chỉ thị số 29-VP/DS về kế hoạch điều tra dân số năm 1960. 43

Các văn bản đã ban hành

PHỦ THỦ TƯỚNG

QUY ĐỊNH số 298-TTg ngày 12-8-1959 về việc đăng ký nhân khẩu toàn miền Bắc năm 1959 (Đã sửa đổi theo thông tư số 021-TTg ngày 14-1-1960 của Thủ tướng Chính phủ).

Để tiến hành công tác điều tra dân số được thuận lợi và thống nhất trong toàn miền Bắc, nay Thủ tướng Chính phủ nước Việt nam dân chủ cộng hòa ban hành bản quy định về việc đăng ký nhân khẩu.

Bản quy định đăng ký nhân khẩu này nhằm đạt mục đích, yêu cầu của cuộc điều tra dân số là thu thập những tài liệu cơ bản chính xác nhất về tình hình dân số toàn miền Bắc để làm cơ sở cho việc lập kế hoạch và phục vụ công tác quản lý của Nhà nước về mọi mặt.

*Tình hình dân số luôn luôn di động rất phức tạp. Điều tra dân số muốn đảm bảo đạt yêu cầu chính xác nhất, không bỏ sót, tính trùng một nhân khẩu nào, cần phải có những quy định để thống nhất đăng ký giữa các địa phương trong toàn miền Bắc. Yêu cầu thống nhất đăng ký nhân khẩu theo bản quy định này, cần phải được quán triệt sâu sắc và cần được triệt để chấp hành đúng ở các cấp, các địa phương và toàn thể cán bộ điều tra dân số.

Toàn thể nhân dân có nghĩa vụ kê khai nhân khẩu cần hiểu rõ ý nghĩa, mục đích điều tra dân số và những điều quy định có quan hệ đến họ mình, tới bản thân mình để giúp cho việc đăng ký được chính xác.

Điều 1. — Phạm vi đối tượng và tổ chức đăng ký nhân khẩu.

1. Tất cả mọi người Việt nam và ngoại kiều cư trú trên lãnh thổ nước Việt nam dân chủ cộng hòa, đều phải đăng ký theo bản quy định này và do Ủy ban Hành chính các cấp, có ban điều tra dân số giúp việc, phụ trách tổ chức đăng ký.

2. Các lực lượng quân đội tại ngũ, các lực lượng công an trong biên chế, không phân biệt cư trú ở đâu và những nhân khẩu khác cư trú trong khu vực thuộc phạm vi quân đội, công an do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an phụ trách tổ chức đăng ký.

3. Các cán bộ, nhân viên đại sứ quán, lãnh sự quán, nhân viên công tác khác, lưu học sinh, thực tập sinh của nước Việt nam dân chủ cộng hòa, công tác hay học tập ở nước ngoài, và Việt kiều, do Bộ Ngoại giao phụ trách đăng ký.

Điều 2. — Đơn vị đăng ký.

1. Đăng ký nhân khẩu lấy hộ làm đơn vị:
— Một hộ thông thường là một số người, không kể nhiều hay ít, ăn, ở chung với nhau và có một người đứng làm chủ hộ. Người ăn, ở riêng lẻ và tự đứng làm chủ hộ cũng coi như một hộ.

định này và cũng không được thay đổi, thêm bớt các hạng mục trong phiếu đăng ký nhân khẩu.

Những nơi do tình hình có những đặc điểm riêng, khi xét cần có những thay đổi hay bổ sung bản quy định này thì phải báo cáo, đề nghị với Ban chỉ đạo điều tra dân số Trung ương, và sau khi được duyệt ý mới được thi hành.

Điều 12.— Ban chỉ đạo điều tra dân số Trung ương có trách nhiệm giải thích và hướng dẫn thi hành quy định này trong toàn miền Bắc.

Hà nội, ngày 12 tháng 8 năm 1959

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

BAN CHỈ ĐẠO ĐIỀU TRA DÂN SỐ TRUNG ƯƠNG

CHỈ THỊ SỐ 28-VP/DS ngày 15-1-1960
hướng dẫn thi hành bản quy định
về việc đăng ký nhân khẩu năm 1960
của Thủ tướng Chính phủ ban hành
theo quy định số 298-TTg ngày 12-
8-1959 nói trên.

Chỉ thị này nhằm hướng dẫn và giúp đỡ cho cán bộ làm công tác điều tra dân số nghiên cứu nắm vững được tinh thần và nội dung chủ yếu của bản «Quy định về việc đăng ký nhân khẩu năm 1960» do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định trên, để thống nhất áp dụng trong khi tiến hành công tác.

VỀ ĐIỀU 1:

PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NHÂN KHẨU

Điều này định rõ những nhân khẩu thuộc phạm vi cần phải được đăng ký và sự phân công tổ chức đăng ký nhân khẩu.

I. NHÂN KHẨU VIỆT NAM

Tất cả những người Việt nam ở trong nước và những nhân khẩu Việt nam tạm thời ra nước ngoài đều phải được đăng ký ở trong nước. Những nhân viên Việt nam công tác, học tập... có tính chất thường xuyên ở ngoài nước và Việt kiều do các ngành trung ương phụ trách đăng ký theo kế hoạch riêng.

Về mặt tổ chức đăng ký, cần phân biệt như sau:

1. Những nhân khẩu do Ban điều tra dân số các cấp phụ trách tổ chức đăng ký.

— Tất cả những người Việt nam (trừ những nhân khẩu do Bộ Quốc phòng Tổng tư lệnh, Bộ Công an phụ trách đăng ký), kể cả những người mất quyền công dân, cư trú thường xuyên ở trong nước.

— Tất cả những người Việt nam tạm thời ra nước ngoài.

2. Những nhân khẩu do Bộ Quốc phòng Tổng tư lệnh phụ trách đăng ký.

a) Quân nhân tại ngũ, công nhân viên quốc phòng, bao gồm tất cả những nhân khẩu cư trú ở trong doanh trại hay ở ngoài doanh trại.

b) Những loại nhân khẩu khác như những nhân khẩu không phải là công nhân viên quốc phòng, những nhân khẩu gia thuộc quân nhân, công nhân viên quốc phòng cư trú trong doanh trại có đủ giấy tờ di chuyển hẳn do chính quyền địa phương nơi cư trú gốc cụ cấp, hoặc không có giấy chứng nhận di chuyển nhưng đã cư trú trong doanh trại trên 6 tháng

— Những nhân khẩu gọi là quân nhân là những người có chứng minh thư do quân đội cấp, có mang quân hiệu, quân hàm.

— Những nhân khẩu gọi là công nhân viên quốc phòng là những người có giấy của Bộ Quốc phòng chứng nhận đăng ký trong hệ thống quốc phòng.

Đối với tất cả những nhân khẩu trên, sau khi đăng ký và tổng hợp xong, các đơn vị quân đội hoặc tổ chức quốc phòng phụ trách tổ chức đăng ký phải gửi toàn bộ tài liệu đăng ký và tổng hợp lên thẳng Bộ Quốc phòng — Tổng tư lệnh. Các địa phương không có trách nhiệm đăng ký, tổng hợp.

c) Các loại nhân khẩu sau đây vẫn do Bộ Quốc phòng Tổng tư lệnh phụ trách đăng ký.

— Quân nhân do Quân đội biệt phái — không phải là quân nhân chuyên ngành — sang làm việc ở các cơ quan Nhà nước và các đơn vị sản xuất quốc doanh ngoài hệ thống quốc phòng.

— Quân nhân về các địa phương có các loại giấy tờ di công tác (công lệnh), giấy chuyển chuyển trong nội bộ quân đội, giấy ra viện, giấy an dưỡng, giấy nghỉ phép đã hết hạn mà chưa quá 6 tháng.

— Quân nhân đã được chuyển ngành, phục viên, vì lý do nào đó, lại trở lại quân đội có đủ giấy chứng nhận di chuyển, hoặc không có giấy chứng nhận di chuyển nhưng đã ở trên 6 tháng.

— Quân nhân tại ngũ nằm ở các bệnh viện « dân y » thì do bệnh viện « dân y » đăng ký, nhưng sau khi đăng ký xong, gửi cả phiếu và bản kê danh sách về Quân khu sở tại để tổng hợp chung với quân đội.

— (Quân nhân ở bệnh viện Lao và Trại phong (trại hủi) thuộc Bộ Y tế quản lý: Quân đội không đăng ký và không tổng hợp, mà do bệnh viện Lao và Trại phong thuộc Bộ Y tế đăng ký và gửi phiếu

dăng ký cho Ban điều tra dân số địa phương, tùy theo sự phân cấp đăng ký tại địa phương, để tổng hợp chung vào dân số địa phương đó.

3. Những nhân khẩu do Bộ Công an phụ trách đăng ký và tổng hợp.

a) *Công an nhân dân võ trang*: do Ban chỉ huy công an nhân dân võ trang trung ương phụ trách đăng ký và tổng hợp theo hệ thống dọc từ các đơn vị cơ sở lên thẳng trung ương như quân đội. Tất cả các điều, tiết quy định cho quân đội ở phần trên đều áp dụng trong việc đăng ký, tổng hợp đối với công an nhân dân võ trang.

b) *Nhân viên công an (không phải võ trang) trong biên chế*: không phân biệt ở trong hay ở ngoài phạm vi tổ chức, quản lý của cơ quan công an, đều do các Sở, Ty công an phụ trách tổ chức đăng ký và tổng hợp, rồi báo cáo thẳng cho khu, thành phố, tỉnh để tổng hợp chung vào dân số địa phương và Bộ Công an. Phiếu đăng ký do Sở, Ty công an lưu trữ.

c) *Nhân viên công an (không phải võ trang) ngoài biên chế và gia thuộc của nhân viên công an*: nếu cư trú thường xuyên trong phạm vi tổ chức và quản lý của cơ quan công an (tính theo 4 nguyên tắc thường trú trong quy định đăng ký chung) thì đều do các đơn vị công an hữu quan tổ chức đăng ký. Sau khi đăng ký xong, cơ quan công an phụ trách tổng hợp và gửi bản tổng hợp kèm theo các phiếu đăng ký cho cấp khu, thành phố, tỉnh tổng hợp vào dân số địa phương.

d) *Phạm nhân và những nhân khẩu đang bị tạm giam* do Sở, Ty công an phụ trách đăng ký và tổng hợp và báo cáo cho khu, thành phố, tỉnh để tổng hợp vào dân số địa phương; con của phạm nhân ở tại trại giam thì do Sở, Ty công an đăng ký vào phiếu riêng và tổng hợp riêng để khỏi lẫn lộn với phạm nhân và nhân viên của trại giam thường trú ở nhà tập thể trong khu vực trại giam. Phạm nhân vượt 6 tháng vẫn do Sở, Ty công an đăng ký. Phiếu đăng ký do Sở, Ty công an lưu trữ.

Ngoài ra, trong khu vực do quân đội, công an quản lý, nếu có thường dân ở xen kẽ và nếu là nơi cơ mật thì các đơn vị quân đội, công an hữu quan tổ chức đăng ký (theo phiếu A). Sau khi đăng ký xong, không tổng hợp vào tài liệu của quân đội, công an, mà chuyển ngay phiếu đăng ký cho Ban điều tra dân số địa phương sở tại để tổng hợp chung với dân số địa phương đó. Nếu không phải là nơi cơ mật thì đơn vị quân đội, công an hữu quan bàn giao với Ủy ban Hành chính sở tại để địa phương tổ chức đăng ký.

Điều chung cần chú ý là cần có sự bàn giao, phân công trách nhiệm dứt khoát giữa quân đội, công an với các địa phương sở tại bằng cách gặp nhau trực tiếp, hoặc bằng cách thông báo tình hình cụ thể ở ngay bước chuẩn bị và càng sớm càng tốt.

Chú thích: Quân nhân tại ngũ, công nhân viên quốc phòng, nhân viên công an trong biên chế do

Bộ Quốc phòng, Bộ Công an phụ trách trước Chính phủ trung ương tổ chức đăng ký theo kế hoạch riêng, các địa phương không có trách nhiệm đăng ký, tổng hợp, nên trên đây chỉ giải thích hướng dẫn các điểm có liên quan đến các địa phương.

4. Những nhân khẩu Việt nam thường xuyên ở ngoài nước: do các Ngành trung ương phụ trách đăng ký theo kế hoạch riêng, các địa phương không có trách nhiệm đăng ký, tổng hợp.

II. NHÂN KHẨU NGOẠI QUỐC

Tất cả những người nước ngoài cư trú thường xuyên ở nước ta đều phải được đăng ký.

Về mặt tổ chức đăng ký hoặc thu thập tài liệu về dân số, cần phân biệt như sau:

1. Những nhân khẩu do Ban điều tra dân số các cấp phụ trách đăng ký: Hoa kiều, Lào kiều.

Tất cả các ngoại kiều khác (ngoài Hoa kiều, Lào kiều), thuộc các nước xã hội chủ nghĩa hay các nước khác, đều đã được Bộ Công an đăng ký; tuy nhiên, khi lập danh sách các hộ và nhân khẩu cũng như khi tiến hành đăng ký, nếu cán bộ, nhân viên điều tra dân số phát hiện thấy hộ hoặc nhân khẩu ngoại kiều nào không có giấy chứng nhận cư trú do Sở, Ty công an cấp thì vẫn đăng ký vào một phiếu loại A, và không làm phiếu để lại cho chủ hộ, và gửi ngay phiếu đăng ký đó cho công an khu, thành, tỉnh để tổng hợp chung vào danh sách ngoại kiều cư trú tại địa phương.

Để tiện cho việc kiểm tra và đối chiếu với tài liệu do ngành công an đã thu thập, trong khi tiến hành đăng ký, các Ban điều tra dân số địa phương cần chú ý:

— Trong một hộ, nếu vợ hay chồng... là người Việt nam thì nay vẫn đăng ký người Việt nam đó; còn vợ hay chồng... là ngoại kiều, ngành công an đã đăng ký rồi, nay không phải đăng ký lại nữa.

— Đối với người con:

+ Nếu bố là người Việt nam thì con theo quốc tịch Việt nam, cả bố và con đều phải được đăng ký theo phiếu A;

+ Nếu bố là ngoại kiều thì con theo quốc tịch của người bố và đều coi là ngoại kiều, ngành Công an đã đăng ký rồi, nay không phải đăng ký lại nữa.

2. Tất cả những nhân viên nước ngoài đang công tác tại Việt nam đều đăng ký theo kế hoạch riêng, địa phương không có trách nhiệm đăng ký, tổng hợp.

Về điều 2:

ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ

Có hai loại hộ: hộ thông thường và hộ tập thể.

1. *Hộ thông thường*: Trong khi đăng ký, nhất thiết không giải quyết vấn đề tách hay nhập hộ, làm xáo trộn những hộ sẵn có, do đó nói chung tiến

hành đăng ký dựa vào cơ sở « hộ » cũ theo đăng ký hộ khẩu ở thành thị và hộ tính thuế nông nghiệp ở nông thôn. Trường hợp có những nhân khẩu đến nay vì lý do nào đó, chưa ở trong một hộ nào cả thì tùy theo tình hình cụ thể, có thể đăng ký vào một phiếu riêng coi như một hộ, hoặc đăng ký nhập vào hộ sẵn có nào đó. Trường hợp ở những nơi chưa có tổ chức theo hai loại hộ trên thì xác định theo tiêu chuẩn cùng ở chung và có một người đứng làm chủ hộ để tiến hành đăng ký nhân khẩu.

2. **Hộ tập thể**: chỉ kể các đơn vị do cơ quan Nhà nước tổ chức và quản lý. Các hợp tác xã (trừ hợp tác xã mua bán) các tập đoàn, các đơn vị tổ chức dân lập như các trường học, vườn trẻ, nhà hộ sinh..., công tư hợp doanh, đại lý, kinh tiêu đều đăng ký theo hộ thông thường. Đăng ký nhân khẩu cư trú trong hộ tập thể, cần chú ý:

a) **Phiếu B**: chỉ dùng để đăng ký những người ở một mình (không có cha mẹ, vợ, con, bà con... ở chung tại hộ tập thể).

b) **Phiếu A**: dùng để đăng ký những người có gia đình như 2 vợ chồng, có con, cha, mẹ, người thân thuộc ở chung với nhau trong hộ tập thể. Tuy đăng ký theo hai loại phiếu, nhưng vẫn tổng hợp chung vào sổ nhân khẩu trong hộ tập thể và có phân loại để nghiên cứu.

Về điều 3:

MỐC THỜI GIAN ĐĂNG KÝ

1. Trước hết cần biết tại sao phải định mốc thời gian.

Mốc thời gian là một điểm thời gian nhất định được ấn định làm căn cứ để thống nhất tính tổng số nhân khẩu thường trú ở khắp các địa phương trong toàn miền Bắc khỏi trùng khớp sót và để tính tuổi của nhân khẩu khi biết rõ ngày, tháng, năm sinh. Mốc thời gian lấy 0 giờ của một ngày nhất định để tính nhân khẩu vì đó là một thời điểm bản lề giữa 2 ngày, một thời điểm tính nhất trong một ngày theo quan điểm thống kê dân số, một thời điểm thuận lợi nhất cho việc tính tổng số nhân khẩu và tính tuổi của mỗi người.

2. Lấy 0 giờ làm mốc để đăng ký nhân khẩu, nhưng không phải là đánh thức dân dậy lúc 12 giờ đêm (giữa đêm) để đăng ký mà bắt đầu từ 7 giờ sáng ngày hôm sau mới tiến hành đăng ký lần lượt từng hộ và đăng ký mấy ngày liên tiếp mới xong hết được.

3. Kể từ 7 giờ sáng ngày 1-3-1960 (tức là 7 giờ sáng ngày mùng 4 tháng 2 năm Canh tý) các địa phương sẽ bắt đầu và lần lượt tiến hành đăng ký..., nghĩa là bắt đầu từ sáng ngày 1-3-1960 tất cả các địa phương đều phải thống nhất tiến hành đăng ký; chứ lần lượt có nghĩa là tiến hành đăng ký từng hộ, trong từ 5 đến 7 ngày sau mốc thời gian đăng

ký, chứ không phải là tập trung đăng ký tất cả mọi người vào một giờ hay một buổi trong một ngày nhất định nào đó (ví dụ vào buổi sáng ngày 1-3-1960).

4. Vì sao lại không đăng ký những nhân khẩu mới sinh, hoặc mới đến ở chính thức sau mốc thời gian?

— Nhân khẩu mới sinh sau mốc thời gian, tức là sau mốc thời gian mới có nhân khẩu này, nếu tính cả là thừa, vì nhân khẩu này chưa có ở mốc thời gian trên.

— Nhân khẩu mới đến ở chính thức sau mốc thời gian, nơi mới không đăng ký nếu tính cả là trùng vì nơi cũ đã đăng ký rồi. Nhưng cũng cần đề phòng trường hợp vì lý do nào đó nơi cũ chưa đăng ký thì nơi mới phải đăng ký hoặc đăng ký bổ sung nếu đã hết thời gian đăng ký tại địa phương.

5. Vì sao lại không đăng ký những nhân khẩu đã chết hoặc đã di chuyển chính thức đi nơi khác trước mốc thời gian đăng ký.

Vì vào mốc thời gian nhân khẩu đó không còn sống, hoặc không còn ở tại nơi cư trú cũ nữa, nếu đăng ký cả là thừa hoặc là trùng.

Về điều 4:

LOẠI NHÂN KHẨU ĐĂNG KÝ

Nhân khẩu thường trú là nhân khẩu có một địa điểm cư trú thường xuyên nhất định và khác với loại nhân khẩu có mặt (cùng nghĩa với tạm trú; hiện có) là nhân khẩu không kể nơi họ cư trú thường xuyên ở đâu, nếu có mặt tại nơi nào vào mốc thời gian nào đó là nhân khẩu có mặt tại nơi đó.

Địa chỉ thường trú để đăng ký nhân khẩu:

Tất cả các nhân khẩu đều phải được đăng ký tại địa chỉ nơi mình ở chứ không phải đăng ký ở nơi mình làm việc. Do đó, các phiếu đăng ký phải được ghi theo địa chỉ nhà ở (tức là theo các hộ thông thường hay hộ tập thể) chứ không ghi theo địa điểm làm việc. Riêng trong mục nghề nghiệp ở phiếu đăng ký nhân khẩu, mới đăng ký theo nơi làm việc hoặc nơi làm nghề đó.

Về điều 5:

CÁC NGUYÊN TẮC CHÍNH ĐỂ XÁC ĐỊNH NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ

Điều này nêu lên các nguyên tắc chính để xác định nhân khẩu thường trú. Các nguyên tắc này tất nhiên chưa thể giải quyết được tất cả mọi trường hợp cụ thể về biến động của nhân khẩu, nhưng về căn bản đã giải quyết được hầu hết các hiện tượng biến động có tính chất phổ biến của nhân khẩu.

Khi vận dụng các nguyên tắc trên để xác định nhân khẩu thường trú, phải điều tra kỹ, sâu tình hình cụ thể và phải nắm vững tinh thần cơ bản của nguyên tắc quy định là phải làm thế nào để phân biệt cho được nhân khẩu cư trú lâu dài với nhân khẩu tạm thời cư trú ở địa phương để khỏi tính trùng hoặc bỏ sót nhân khẩu. Do đó, phải cần nhắc hết sức thận trọng và đề phòng lối vận dụng chủ quan, giản đơn, tùy tiện.

Dưới đây giải thích hướng dẫn cụ thể từng nguyên tắc.

Nguyên tắc 1 :

« Tất cả các nhân khẩu cư trú thường xuyên cố định ở nơi nào thì đăng ký là nhân khẩu thường trú tại nơi ấy ».

Đây là một nguyên tắc cơ bản nhất, nó giải quyết tuyệt đại bộ phận nhân khẩu đã có một nơi cư trú thường xuyên cố định như những loại nhân khẩu sau đây :

1. Nhân khẩu cư trú thường xuyên ở một nơi cố định và có mặt ở nhà đó vào lúc 0 giờ ngày 1-3-1960.

2. Nhân khẩu cư trú thường xuyên ở một nơi cố định tuy vắng mặt vào lúc 0 giờ ngày 1-3-1960 hoặc vắng mặt trong thời gian ngắn ở nơi đó, nhưng vẫn được tính là nhân khẩu thường trú ở nhà đó trong những trường hợp ví dụ sau đây :

- + Những người đi làm kíp đêm, làm trực nhật ở các địa điểm công tác ;
- + Những người đang thừa hành nhiệm vụ trên tàu hỏa, tàu thủy, ô-tô... đang đi áp tải hàng hóa...
- + Những người đang làm công việc đồng áng ;
- + Những người đi buôn chuyến, đi săn bắn, đi kiếm củi, đi đánh cá...
- + Những người đi chơi, đi thăm họ hàng, bà con quen thuộc...

Nguyên tắc 2 :

« Các nhân khẩu đã rời khỏi chỗ ở cũ trước mốc thời gian đăng ký nếu có giấy chứng nhận di chuyển hẳn thì đăng ký là nhân khẩu thường trú ở nơi cư trú mới ».

— Nguyên tắc này xét tính chất thường trú lấy « giấy tờ chứng nhận di chuyển hẳn » làm căn cứ để xác định nhân khẩu thường trú. Bởi vậy phải quy định loại giấy tờ có giá trị chứng nhận di chuyển hẳn như sau :

1. Đối với nhân dân nói chung, chỉ có các loại giấy tờ sau đây có giá trị chứng nhận di chuyển hẳn :

+ Giấy « chứng nhận di chuyển » của Ủy ban Hành chính các cấp (cấp thấp nhất là xã, thị trấn, khu phố) cấp cho rời hẳn chỗ ở cũ đi nơi khác để ở hoặc sản xuất làm ăn lâu dài, hoặc đi làm nghĩa vụ quân sự (tổng quân, nhập ngũ) ;

+ Giấy phục viên của quân đội ; giấy cho thôi làm việc (ví dụ cho về địa phương sản xuất, tham gia công tác ở xã...) do các cơ quan Nhà nước cấp ;

+ Lệnh bắt giam của cơ quan công an, tư pháp.

2. Đối với nội bộ các cơ quan Nhà nước và các đoàn thể từ cấp huyện trở lên, các loại giấy tờ sau đây có giá trị chứng nhận di chuyển hẳn :

+ Giấy điều động, chuyển công tác, giấy thôi trả lương do các cơ quan hành chính, quân sự, xí nghiệp, công trường, nông, lâm trường, đoàn thể cấp.

Tất cả các loại giấy tờ khác, ngoài các loại giấy tờ đã quy định trên đây, đều không có giá trị chứng nhận di chuyển hẳn.

Nguyên tắc 3 :

« Các nhân khẩu rời khỏi chỗ ở cũ trước mốc thời gian đăng ký, nếu không có giấy chứng nhận di chuyển hẳn hoặc không rõ đi đâu thì tính từ ngày người đó rời chỗ ở cũ ra đi đến mốc thời gian đăng ký, nếu chưa đủ 6 tháng thì đăng ký tại nơi cư trú cũ, nếu đã quá 6 tháng thì đăng ký tại nơi cư trú mới ».

— Nguyên tắc này lấy mốc 6 tháng kể từ mốc thời gian đăng ký trở về trước kết hợp với việc xét tính chất cư trú là thường xuyên hay tạm thời để xác định nơi cư trú thường xuyên của nhân khẩu.

Sở dĩ phải lấy mốc 6 tháng vì nếu lấy thời gian quá ngắn (ví dụ vài ba tháng) biến động của nhân khẩu càng nhiều, việc tính nhân khẩu thường trú càng phức tạp, đồng thời ý nghĩa « thường trú » đối với từng địa phương cũng ít tác dụng.

Muốn tính được chính xác mốc 6 tháng, đòi hỏi bản thân người được đăng ký và các người khác có liên quan kê khai đăng ký cho người đó, tại nơi ở cũ và tại nơi ở mới phải nhớ rõ và thống nhất ngày tháng rời khỏi gia đình (gốc) nơi thường trú cũ (có thể tính từ lần rời khỏi gia đình lần đầu tiên hoặc là lần cuối cùng tùy từng trường hợp cụ thể).

Để bớt phức tạp, nay thống nhất tính mốc 6 tháng theo cách sau đây : nhân khẩu nào đã rời gia đình (gốc) ra đi từ tháng 8-1959 trở về trước (tức là từ tháng 7 năm Kỷ Hợi) thì coi là nhân khẩu đó đã đi quá 6 tháng, nơi nhân khẩu đó cư trú cũ không đăng ký nữa.

Dưới đây nêu lên một số trường hợp thường gặp và cần tính theo mốc 6 tháng :

— Nhân khẩu thoát ly cơ sở nông thôn đi ở thuê, đi làm phụ động, tạm tuyển, công nhật, làm khoán... ở các cơ quan, công trường, xí nghiệp quốc doanh, ở các công nông trường quân đội.

— Những nhân khẩu đi đâu không rõ ; những nhân khẩu tuy có nơi ở gốc (không phải nhân khẩu cơ sở, vô gia gia cư) nhưng thường xuyên đi nay đây mai đó không có đủ giấy tờ chứng nhận di chuyển hợp lệ.

— Những nhân khẩu đi học hoặc dạy học các lớp dài hạn trên 6 tháng ở xa gia đình, nơi cư trú gốc cũ:

+ Nếu thường trú tại trường thì đăng ký tại trường;

+ Nếu ở trọ ở ngoài trường thì đăng ký tại nơi ở trọ.

Nguyên tắc 4:

« Nhân khẩu không có nơi cư trú nhất định, trong thời gian tiến hành đăng ký, nếu có mặt tại đâu thì đăng ký là nhân khẩu thường trú tại đấy ».

Vận dụng nguyên tắc này để tính nhân khẩu thường trú khi gặp những trường hợp nhân khẩu không chỉ rõ được nơi thường trú của mình. Ví dụ:

— Nhân khẩu cơ nhỡ, vô gia cư, không còn bà con thân thuộc, không có nhà ở nhất định, lang thang nay đây mai đó...

Đối với các loại nhân khẩu này, trong thời gian đăng ký, họ có mặt ở đâu thì đăng ký tại đó và sau khi đăng ký xong, cấp giấy chứng nhận đã đăng ký cho họ.

Ngoài 4 nguyên tắc chính nói trên, còn phải thi hành một số biện pháp rất cần thiết và rất quan trọng để đề phòng đăng ký trùng hoặc bỏ sót nhân khẩu như sau:

1. Cần phải làm thật tốt công tác chuẩn bị:

— Tích cực đẩy mạnh công tác hộ khẩu của công an đang tiến hành để tạo điều kiện cho công tác điều tra dân số tiến hành thuận lợi, trong đó đáng chú ý nhất là vấn đề lập danh sách chủ hộ (và nhân khẩu) và vấn đề giấy tờ chứng nhận di chuyển trong nhân dân.

— Khi lập danh sách địa điểm dân cư, chủ hộ, cần chú ý đi sâu nghiên cứu phát hiện những trường hợp hộ, nhân khẩu nhập nhằng, khó khăn... để có biện pháp giải quyết kịp thời.

— Ngay ở bước chuẩn bị, các cấp, các địa phương, các ngành, các cơ quan công, nông trường, xí nghiệp... cần có sự liên hệ chặt chẽ, bàn giao, phân công đăng ký giữa nhau cho cụ thể, dứt khoát đối với từng đơn vị đăng ký cũng như đối với từng nhân khẩu phải đăng ký.

2. Trong thời gian tiến hành đăng ký, nếu gặp những trường hợp nhập nhằng, khó xác định dứt khoát (còn nghi ngại) thì đơn vị, địa phương... nơi đăng ký nhân khẩu đang cư trú, sau khi đăng ký xong, cần trực tiếp thông báo (đã có mẫu in sẵn) thẳng cho địa phương có liên quan biết để khỏi đăng ký trùng. Việc gửi thông báo nên làm trước mốc thời gian đăng ký càng sớm càng tốt.

Vận dụng các nguyên tắc trên để xác định nhân khẩu thường trú trong các hộ tập thể (cơ quan, xí nghiệp, công trường, nông, lâm trường...) như thế nào?

Đối với cán bộ, công nhân viên... trong bộ máy Nhà nước không phân biệt ở trong biên chế hay ngoài biên chế, không cần phân biệt nơi nào trả lương, khi xác định nhân khẩu thường trú, phải vận dụng đủ các nguyên tắc đã nói ở trên; và tất cả những nhân khẩu ấy đều phải được đăng ký tại nơi ở, chứ không phải đăng ký ở nơi làm việc. (Tức là nếu ở trong hộ tập thể thì đăng ký theo hộ tập thể, nếu ở ngoài thì đăng ký theo hộ thông thường ở ngoài). Trong các đơn vị sản xuất cũng đăng ký theo nơi ở, không được đăng ký theo tổ chức sản xuất.

Nhưng cần chú ý những điểm chính sau đây:

1. Đề phòng đăng ký trùng hoặc bỏ sót những nhân khẩu mới vào biên chế, những nhân khẩu làm việc phụ động, tạm tuyển, làm khoán, hợp đồng, những nhân khẩu gia thuộc của cán bộ công nhân viên (và những người ở nhờ) ở chung trong hộ tập thể chưa đến 6 tháng tính từ mốc thời gian trở về trước và không có giấy tờ chứng nhận di chuyển hợp lệ.

2. Cần có sự liên hệ chặt chẽ bàn giao, phân công đăng ký cụ thể giữa trung ương với các địa phương, giữa các ngành trung ương với các đơn vị cơ sở, giữa các đơn vị cơ sở của các ngành (các Bộ) với các địa phương... từng đơn vị và số người phải đăng ký cho dứt khoát ngay trong thời gian chuẩn bị và tranh thủ làm xong trước ngày 15-2-1960. Cần đặc biệt chú ý đến các đơn vị nhỏ làm công tác lưu động như các tổ, các đội sửa đường, thăm dò địa chất, khảo sát rừng, các đội y tế lưu động v.v...

Cách giải quyết đối với một số trường hợp cụ thể thường gặp ở các hộ tập thể.

1. Nhân viên thuộc ba, bốn cơ quan ở chung một nhà (tập thể) thì đăng ký theo hệ thống tổ chức riêng từng cơ quan để dễ kiểm tra đối chiếu.

2. Trường hợp cán bộ, công nhân viên không ở với gia đình và cũng không thường xuyên ở trong một đơn vị hộ tập thể nào cả, như thường xuyên đi công tác lưu động, thỉnh thoảng mới về cơ quan (có khi đi công tác ở trong rừng riêng lẻ, nay đây mai đó, địa phương sở tại không biết) thì do Phòng tổ chức cán bộ hoặc nhân sự của đơn vị quản lý hiện đang trực tiếp trả lương phụ trách kê khai để đăng ký vào hộ cơ quan quản lý hộ.

3. Hai vợ chồng cùng là cán bộ, công nhân viên ở hai cơ quan khác nhau, nhưng cùng ăn ở chung ở một hộ tập thể cơ quan (của chồng hay vợ) thì cũng đăng ký tại hộ tập thể cơ quan... mà cả hai vợ chồng cùng ở chung (phiếu A). Gọi là ăn ở chung ở đây là ăn, ở thường xuyên hàng ngày và không kê các trường hợp hai vợ chồng ở hai nơi, chỉ về gặp nhau ngày chủ nhật và ngày lễ.

4. Những trẻ em ở vườn trẻ, trại trẻ quốc lập và học sinh ở ký túc xá:

+ Nếu cư trú thường xuyên (chỉ ngày nghỉ, ngày lễ bố mẹ mới đón nhận về nhà) ở vườn trẻ, trại trẻ hay ở ký túc xá thì đăng ký tại vườn trẻ, trại trẻ hay ký túc xá.

+ Nếu chỉ ở theo cách « sáng gửi tối nhận về » thì đăng ký theo nơi cư trú thường xuyên của người đang trực tiếp nuôi.

5. Trên phạm vi các đất đai do các xí nghiệp, hầm mỏ công trường... quản lý, nếu có thường dân cất nhà cửa ở nhờ thì đơn vị trực tiếp quản lý đất đai đó — nếu được phân công phụ trách — phải tổ chức đăng ký các nhân khẩu đó và gửi phiếu đăng ký ra Ban điều tra dân số sở tại để tổng hợp chung vào dân số thường trú ở địa phương đó. Trường hợp này thường gặp ở các đất mỏ, nhà ga, công trường xây dựng...

6. Nhân khẩu làm phụ động, tạm tuyến, công nhật, làm khoán ở công trường mà tự ý bỏ việc đi nơi khác, thì công trường không đăng ký, vì đăng ký thì dễ trùng, hơn nữa công trường, nói chung, không nắm được lý lịch của họ, không quản lý họ được chặt chẽ như công nhân viên trong biên chế.

Về điều 6:

ĐĂNG KÝ CÁC LOẠI NHÂN KHẨU KHÁC

Trong điều này, các tiết 1 và 4 đã rõ nghĩa, chỉ cần giải thích thêm các tiết 2, 3, 5 và 6.

Tiết 2: Thường dân nằm ở các bệnh viện: trong đây bao gồm cả nhân viên Nhà nước. Nếu là nhân khẩu không có nơi thường trú (đứt gốc), hoặc có nơi thường trú nhưng đã nằm ở bệnh viện trên 6 tháng kể từ mốc thời gian trở về trước thì đăng ký tại bệnh viện.

Trẻ em sinh tại các bệnh viện: gặp trường hợp bố và mẹ ở 2 nơi khác nhau thì lấy nơi cư trú của mẹ làm căn cứ để đăng ký trẻ mới sinh ở bệnh viện. Đối với nhân khẩu sinh ở bệnh viện quá xa gia đình, để bảo đảm thời hạn đăng ký, gia đình nhân khẩu đó cần tranh thủ đi thăm hỏi tình hình ở bệnh viện, đồng thời bệnh viện cũng có trách nhiệm báo tin cho gia đình nhân khẩu đó biết càng sớm càng tốt.

Tiết 3: Gọi là « tạm giam » nhưng nhân khẩu đã có lệnh bắt giam của cơ quan tư pháp, cơ quan công an. Còn « tạm giữ » là chỉ kể những trường hợp phạt yi cảnh, tạm giữ để tra cứu... chưa có lệnh bắt giam. Nếu chưa có lệnh bắt giam của các cơ quan có thẩm quyền như trên, thì đăng ký tại nơi nhân khẩu cư trú trước khi bị tạm giữ. Cơ quan tạm giữ có nhiệm vụ thu thập đủ tài liệu về dân số để gửi cho Ủy ban Hành chính nơi nhân khẩu đó cư trú trước khi bị tạm giữ. Tốt nhất là đảm bảo thì hành đúng luật pháp, tạm giữ không được quá 1 ngày, quá hạn đó thì phải có đủ lệnh bắt giam nếu cần thiết, và nếu không thì phải thả ngay.

Tiết 5: Tiết này được đề ra để giải quyết một số trường hợp khó xác định nơi cư trú thường xuyên. Ví dụ:

— Chồng có nhiều vợ, lúc ở với vợ này, lúc ở với vợ khác, hoặc vì lý do nào đó ở linh tinh nhiều nơi.

— Vợ bộ đội hoặc cán bộ... công tác xa gia đình, lúc nào chồng về thì ở nhà với chồng, chồng đi thì lại về ở với bố mẹ đẻ...

Trong một số trường hợp cá biệt như trên, vì không thể giải quyết theo một nguyên tắc nào cả, nên phải lấy nơi đăng ký hộ khẩu tính thuế nông nghiệp hoặc bầu cử Hội đồng nhân dân làm căn cứ để xác định nơi cư trú thường xuyên và thông báo trong các trường hợp xét cần thiết.

Tiết 6: Tiết này chỉ áp dụng cho các nhân khẩu không đăng ký hộ khẩu, không được tính thuế nông nghiệp, hoặc không bầu cử Hội đồng nhân dân ở một nơi nhất định.

Về điều 7:

ĐĂNG KÝ CÁC NHÂN KHẨU CƯ TRÚ HOẶC CÓ NGHỀ NGHIỆP TRÊN MẶT NƯỚC

Ở đây, ý chính cần nắm vững là:

— Tất cả các loại thuyền bè đều lấy « bên gốc » làm căn cứ để đăng ký. Bên gốc ở đây còn có nghĩa là « xã gốc » của những nhân khẩu làm ăn, sinh sống trên mặt nước hoặc có hay không có nơi cư trú thường xuyên trên bộ, nhưng chịu sự quản lý về mặt hành chính của Ủy ban Hành chính cấp xã, thị trấn, thị xã (như làm nghĩa vụ công dân, bầu cử ứng cử, lấy giấy thông hành v.v... ở một nơi nhất định nào đó).

— Đối với loại nhân khẩu này, khi xác định nhân khẩu thường trú chủ yếu vận dụng các nguyên tắc 1 và 4 trong điều 5 của Bản quy định đăng ký nhân khẩu.

Chi tiết về quy định đăng ký, về kế hoạch tổ chức đăng ký: xem bản kế hoạch bổ sung riêng về việc đăng ký các loại nhân khẩu cư trú, làm ăn, sinh sống trên thuyền bè, nhà bè.

Về các điều 8, 9, 10, 11 và 12

(không có gì phải giải thích thêm)

Sau đây hướng dẫn thêm cách giải quyết một số trường hợp ngoại lệ thường gặp:

1. Đăng ký ở vùng biên giới, giới tuyến: Sẽ có hướng dẫn riêng đối với các địa phương có liên quan.

2. Nhân khẩu đến ở nơi cư trú mới chưa đến 6 tháng, đã được chính quyền nơi cư trú mới công nhận là nhân khẩu chính thức, mặc dầu không có

giấy tờ chứng nhận di chuyển của chính quyền nơi cư trú cũ: ở đây cần chú ý là không căn cứ vào sự công nhận nhân khẩu chính thức của chính quyền nơi cư trú mới, mà phải căn cứ vào giấy tờ chứng nhận di chuyển của địa phương nơi cư trú cũ để xác định nhân khẩu thường trú (trường hợp này phải giải quyết theo nguyên tắc 3).

3. Nhân khẩu mới về ở nhà chồng (đi lấy chồng) hoặc mới về ở nhà vợ (đi ở rề) trước mốc thời gian đăng ký, mặc dầu chưa có giấy chứng nhận di chuyển hẳn, vẫn đăng ký theo nơi họ hiện đang cư trú (tức là đăng ký theo nhà chồng hoặc nhà vợ).

4. Cả gia đình tự động rời chỗ ở cũ đến cư trú một nơi khác trước «mốc thời gian đăng ký» thì đăng ký tại nơi họ mới đến cư trú (trường hợp này thường gặp ở các vùng miền núi).

5. Nhân khẩu rời chỗ ở chính thức đi nơi khác giúp trước và sau mốc thời gian đăng ký (nhập nhằng): nơi cũ chưa đăng ký thì nơi mới phải đăng ký ngay trong thời gian đăng ký, hoặc đăng ký bổ sung nếu đã đăng ký xong; trường hợp cá biệt đi giữa đường vì lý do nào đó (như ốm đau, ở lại thăm bà con dọc đường v.v...) không thể đến kịp nơi ở mới trong thời gian đăng ký hoặc đăng ký bổ sung thì đăng ký nơi ở lại dọc đường để khỏi sót và sau khi đăng ký xong cấp giấy chứng nhận đã đăng ký cho họ.

6. Các trẻ em lúc ở với bố, lúc ở với mẹ...(không kể các trường hợp các trẻ em đã có nơi cư trú thường xuyên, chỉ lâu lâu mới đi chơi thăm bố hoặc mẹ ở xa nơi cư trú thường xuyên): trong thời gian tiến hành đăng ký, trẻ em đó ở đâu thì đăng ký ở đó.

VỀ CHẾ ĐỘ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐÃ ĐĂNG KÝ, GỬI THÔNG BÁO ĐÃ ĐĂNG KÝ VÀ ĐĂNG KÝ BỔ SUNG

1. Về giấy chứng nhận đã đăng ký.

Giấy này Trung ương đã có in sẵn gửi các địa phương dùng để cấp cho những nhân khẩu không có nơi cư trú nhất định như những nhân khẩu đi làm việc lưu động, những nhân khẩu lưu manh, cơ nhờ đi lang thang nay đây mai đó... sau khi đã đăng ký xong nhằm đảm bảo không bỏ sót nhân khẩu, không tính nhân khẩu nào hai lần.

Giấy chứng nhận đã đăng ký do Ủy ban Hành chính xã, cơ sở cấp và chỉ có giá trị trong thời gian đăng ký và đăng ký bổ sung tức là từ 1-3 đến 15-3-1960 hết hạn.

2. Về chế độ thông báo đã đăng ký.

— Trong tất cả mọi trường hợp đăng ký nhân khẩu chưa được có đảm bảo đầy đủ chính xác thì cần thông báo kịp thời càng sớm càng tốt cho cấp hành chính cơ sở nơi cư trú cũ của nhân khẩu hữu

quan đó rõ để thống nhất đăng ký, không bỏ sót, tính trùng một nhân khẩu nào.

— Nguyên tắc là Ủy ban Hành chính xã, đơn vị cơ sở nơi đăng ký nhân khẩu đang cư trú có trách nhiệm gửi thông báo thẳng (không phải qua cấp huyện...) cho Ủy ban Hành chính xã, đơn vị cơ sở có liên quan, và thống nhất là Ủy ban Hành chính xã, đơn vị cơ sở, nơi nhận được thông báo phải gác bỏ nhân khẩu nói trên nếu đã đăng ký rồi, không phải xét lại trường hợp nơi thông báo đã đăng ký đúng hay sai.

3. Về việc đăng ký bổ sung.

Thời gian đăng ký bổ sung thống nhất trong toàn miền Bắc đến 9 giờ tối ngày 15-3-1960 hết hạn.

Trong cuộc điều tra dân số, yêu cầu trọng tâm cao nhất là không tính trùng hoặc bỏ sót nhân khẩu, đảm bảo thu thập số liệu chính xác nhất về tổng số nhân khẩu. Thực tế tình hình biến động về nhân khẩu, nhất là trong vấn đề biến động về di chuyển trong xã hội, có rất nhiều trạng thái khác nhau rất phức tạp. Chúng ta không thể và cũng không có thể có một bản quy định hay giải thích quy định nào ghi được đủ mọi trường hợp cụ thể về tình hình biến động ấy được, mà chỉ có thể căn cứ vào những biến động có tính chất phổ biến thể hiện được tuyệt đại bộ phận trong tình hình chung nêu lên thành những nguyên tắc và quy định ấy, cán bộ trong khi đăng ký, nhất là khi gặp những trường hợp cụ thể phức tạp, có khi cá biệt nữa, phải có ý thức điều tra thật kỹ, tìm hiểu sâu để áp dụng cho đúng vào từng trường hợp cụ thể.

Ngày 15 tháng 1 năm 1960

T. M. Ban Chỉ đạo điều tra dân số trung ương

Bộ trưởng Thủ tướng phủ

Trưởng ban chỉ đạo điều tra dân số

trung ương

NGUYỄN KHANG

CHỈ THỊ số 29-VP/DS ngày 15-1-1960 về kế hoạch điều tra dân số năm 1960.

Kính gửi: Các Ủy ban Hành chính các khu, thành phố, tỉnh.

Các Bộ, các đoàn thể trung ương.

Kế hoạch tiến hành điều tra dân số toàn miền Bắc theo mốc thời gian 0 giờ ngày 2-10-1959 đã được ban hành theo Thông tư số 297-TTg ngày 12-8-1959 và thông tư số 337-TTg ngày 12-9-1959 của Thủ tướng Chính phủ, sau vì xét thấy trong thời gian trên, cần tập trung lãnh đạo và lực lượng để làm tốt công tác vận động đổi công, hợp tác làm cơ

- **Sở thúc đẩy sản xuất vụ mùa 1959 và chuẩn bị tích cực cho vụ sản xuất Đông Xuân 1959 — 1960, Thủ tướng Chính phủ đã có thông tư số 343-TTg ngày 24-9-1959 quyết định tạm hoãn công tác điều tra dân số tới đầu năm 1960.**
- **Nay căn cứ vào thông tư số 021 - TTg ngày 14-1-1960 của Thủ tướng Chính phủ về mốc thời gian đăng ký nhân khẩu năm 1960 và đề phù hợp với tình hình mới, Ban chỉ đạo điều tra dân số trung ương ban hành chỉ thị này đề hướng dẫn kế hoạch thống nhất thi hành các thông tư, chỉ thị và nghị quyết của Chính phủ về vấn đề điều tra dân số.**

I. Ý NGHĨA, MỤC ĐÍCH CỦA CUỘC ĐIỀU TRA DÂN SỐ

• Từ ngày hòa bình được lập lại, công tác quản lý Nhà nước và công tác kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân đòi hỏi phải có những tài liệu thống kê cơ bản về dân số toàn miền Bắc.

Nhưng những tài liệu thống kê dân số của thực dân Pháp trước đây hầu như không có. Trải qua 15 năm chiến tranh và nhất là qua 5 năm hòa bình khôi phục và phát triển kinh tế và văn hóa, tình hình dân số miền Bắc nước ta đã có nhiều thay đổi. Mấy năm nay, do nhu cầu công tác, một số ngành công an, thương nghiệp, nội chính, v.v... đã có tiến hành đăng ký dân số. Những số liệu về dân số do các ngành ấy điều tra đã có một tác dụng nhất định, nhưng không toàn diện và thiếu chính xác. Hiện nay, chúng ta rất cần những tài liệu cơ bản về tình hình dân số như: tổng số nhân khẩu chia theo nam, nữ, dân tộc, chia theo các độ tuổi, chia theo trình độ văn hóa, tình hình phân phối sức lao động trong các ngành, nghề chủ yếu của nền kinh tế quốc dân... nhưng không một cơ quan nào, một địa phương nào có thể cung cấp được những tài liệu ấy một cách đầy đủ và chính xác.

Vì vậy Hội đồng Chính phủ trong phiên họp ngày 29-4-1959 đã quyết định tiến hành điều tra dân số toàn miền Bắc để thu thập những tài liệu cơ bản đăng tin cậy về tình hình dân số để thỏa mãn nhu cầu quản lý Nhà nước và nhu cầu lập kế hoạch phát triển kinh tế và văn hóa, kế hoạch giáo dục phổ cập, cũng như để cung cấp những tài liệu làm căn cứ cho việc thực hiện bầu cử Quốc hội trong 6 tháng đầu năm 1960.

Những tài liệu điều tra dân số còn giúp cho việc kiểm tra sự thực hiện một số chính sách và công tác lớn của Đảng và Chính phủ, như chính sách bình đẳng giữa các dân tộc, giữa nam và nữ, công tác thanh toán nạn mù chữ, công tác bảo vệ sức khỏe, tình hình công ăn việc làm của các tầng lớp nhân dân, v.v... đồng thời trong quá trình tiến hành điều tra, chúng ta sẽ đến từng nhà người dân, do đó mà đánh giá được sát và thực tế hơn bao giờ hết phong trào và trình độ sinh hoạt của nhân dân ta.

- Chúng ta cần thấy rõ ý nghĩa và mục đích lớn lao của cuộc điều tra dân số, cần thấy hết tính chất phức tạp và khó khăn của nó. Do tình hình dân số

di động rất phức tạp, nên phải đăng ký dân số trong một thời gian ngắn và thống nhất trên toàn miền Bắc thì mới thu thập được tài liệu đáng tin cậy; do đó trình độ tổ chức phải cao, lực lượng cán bộ huy động phải lớn, đồng thời công tác này cũng đòi hỏi phải chi tiêu một số tiền khá lớn. Điều tra dân số lại động chạm đến mọi người dân, nên tư tưởng quần chúng có thể biến diễn khá phức tạp; mặt khác kẻ địch sẽ tìm cách xuyên tạc, phá hoại cuộc điều tra dân số, cho nên điều tra dân số là một cuộc vận động chính trị rộng lớn, cần phải rất coi trọng công tác tuyên truyền, giải thích để mọi người tự nguyện, tự giác ủng hộ cuộc điều tra, đập tan mọi luận điệu xuyên tạc và mưu mô phá hoại của kẻ địch.

Vì tính chất và quy mô của cuộc điều tra dân số như thế, cho nên Hội nghị Thường vụ Hội đồng Chính phủ đã quyết định là trong một thời gian nhất định, công tác điều tra dân số là công tác trung tâm đột xuất của toàn miền Bắc, do Ủy ban Hành chính các cấp trực tiếp chỉ đạo. Cần khắc phục những nhận thức sai lầm như coi thường điều tra dân số, cho rằng không cần điều tra cũng có số liệu đầy đủ, cho rằng điều tra dân số chỉ là công tác nghiệp vụ đơn thuần, v.v... Cần nhận rõ vị trí của công tác này để tích cực chuẩn bị tăng cường lãnh đạo, tập trung lực lượng, đảm bảo cho cuộc điều tra dân số làm được tốt, nhanh, gọn.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU TRA

Sẽ tiến hành đăng ký tất cả các nhân khẩu Việt nam cư trú trên lãnh thổ toàn miền Bắc và ngoại kiều cư trú thường xuyên ở miền Bắc nước ta.

Quân đội nhân dân và công an nhân dân sẽ do Bộ Quốc phòng và Bộ Công an phụ trách đăng ký. Cán bộ, nhân viên người nước ngoài của cơ quan ngoại giao và các cơ quan khác của nước ngoài ở nước ta, các chuyên gia nước bạn, Việt kiều và cán bộ, nhân viên các cơ quan của nước ta ở nước ngoài, sẽ điều tra theo kế hoạch riêng, do các ngành hữu quan phụ trách.

III. LOẠI NHÂN KHẨU ĐIỀU TRA

Ở toàn miền Bắc, đều thống nhất đăng ký nhân khẩu «thường trú». Nhân khẩu «thường trú» là nhân khẩu có một địa điểm cư trú thường xuyên nhất định. Mỗi nhân khẩu chỉ được đăng ký ở một nơi. (Xem chi tiết trong bản «Quy định về đăng ký nhân khẩu» kèm theo).

IV. NỘI DUNG ĐIỀU TRA

A. Nội dung điều tra, gồm các chi tiêu tổng hợp chính sau đây:

1. Tổng số nhân khẩu.
2. Nhân khẩu chia theo địa phương.
3. Nhân khẩu chia theo thành thị và nông thôn.
4. Nhân khẩu chia theo nam, nữ.
5. Nhân khẩu chia theo dân tộc.

6. Nhân khẩu chia theo tuổi.
7. Nhân khẩu chia theo trình độ văn hóa.
8. Nhân khẩu lao động trong các ngành kinh tế quốc dân.

B. Đề tổng hợp được các chỉ tiêu trên, phải đăng ký theo các mục sau đây:

1. Họ và tên.
2. Quan hệ với chủ hộ.
3. Nam nữ.
4. Dân tộc.
5. Tuổi.
6. Văn hóa.
7. Nghề nghiệp.

C. Ý nghĩa và tác dụng của từng chỉ tiêu:

1. Tổng số nhân khẩu:

Đề phục vụ cho việc quản lý Nhà nước, cũng như việc xây dựng kế hoạch toàn miền Bắc, cần phải nắm được tổng số nhân khẩu chính xác trong toàn miền Bắc. Đây là chỉ tiêu đầu tiên quan trọng nhất của cuộc điều tra dân số phải đảm bảo trình độ chính xác cao nhất.

2. Nhân khẩu chia theo địa phương:

Nhân khẩu thường trú chia theo địa phương dùng làm căn cứ để nghiên cứu các phương sách và lập kế hoạch về mọi mặt có quan hệ mật thiết tới đời sống của nhân dân mỗi địa phương, như kế hoạch sản xuất, nhà ở, giao thông vận tải, mạng lưới thương nghiệp, trường học, y viện v.v... và dùng để tính mật độ dân số của từng địa phương.

3. Phân chia theo thành thị và nông thôn:

Việc phân biệt nhân khẩu thành thị và nông thôn có một ý nghĩa quan trọng. Nó phản ánh mức độ phát triển kinh tế và trình độ phát triển công nghiệp của một nước, vì nền kinh tế càng phát triển trình độ công nghiệp hóa càng cao thì nhân khẩu thành thị tất nhiên càng tăng lên.

Căn cứ vào số lượng nhân khẩu thành thị và nông thôn, chúng ta nghiên cứu các phương sách và kế hoạch phục vụ thành thị và nông thôn khác nhau do điều kiện kinh tế và sinh hoạt của nhân dân thành thị và nông thôn khác nhau, nhu cầu về mặt cung cấp hàng hóa cũng như sự nghiệp công cộng đều có khác nhau.

4. Nhân khẩu chia theo nam nữ:

Chỉ tiêu nam, nữ đơn giản, nhưng rất cần thiết cho việc nghiên cứu về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Chỉ tiêu này kết hợp với các chỉ tiêu khác như kết hợp với « tuổi » để nghiên cứu tình hình phát triển nhân khẩu, kết hợp với chỉ tiêu văn hóa phản ánh lên trình độ văn hóa của từng giới; hay tổng hợp chỉ tiêu nữ giới kết hợp với nghề nghiệp, phản ánh lên tình hình phụ nữ tham

gia trong các ngành kinh tế quốc dân, kết hợp những chỉ tiêu đó, tài liệu tổng hợp sẽ giúp ta nghiên cứu việc thực hiện chính sách bình đẳng nam, nữ.

5. Phân chia theo dân tộc:

Chỉ tiêu này có một ý nghĩa to lớn về chính trị, nó phản ánh lên đặc điểm về thành phần dân tộc trong nước ta. Chỉ tiêu này kết hợp với các chỉ tiêu khác như kết hợp với các chỉ tiêu « văn hóa » « nghề nghiệp » để nghiên cứu tình hình phát triển về văn hóa, kinh tế của từng dân tộc trong nước, để kiểm tra tình hình thực hiện chính sách dân tộc. Chỉ tiêu dân tộc kết hợp với chỉ tiêu nam, nữ và tuổi, nói lên tình hình phát triển của từng dân tộc trong nước.

6. Nhân khẩu chia theo tuổi:

Không có chỉ tiêu này thì không thể đề ra được các biện pháp về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... như phân phối lao động theo các ngành kinh tế quốc dân, huy động nhân lực, bầu cử Hội đồng nhân dân và Quốc hội, mở trường, đào tạo cán bộ v.v... Việc chia dân số theo từng độ tuổi có tác dụng thực tế rất lớn về mọi mặt và tùy theo nhu cầu cụ thể nghiên cứu mà chia theo các độ tuổi khác nhau. Ví dụ: từ 1 đến 6 tuổi dùng để nghiên cứu lập kế hoạch phát triển nhà gửi trẻ và vườn trẻ, từ 7 đến 17 tuổi dùng để nghiên cứu việc phát triển giáo dục phổ thông phổ cập, từ 18 tuổi trở lên, dùng để xác định số cử tri bầu cử, từ 16 đến 55 tuổi đối với nam giới và đến 50 tuổi đối với nữ giới để làm căn cứ tính kế hoạch nhân lực, v.v... Chỉ tiêu tuổi nghiên cứu riêng biệt đã có nhiều tác dụng như trên, nếu kết hợp với các chỉ tiêu khác như nam, nữ, dân tộc, văn hóa, nghề nghiệp, còn giúp ta nghiên cứu nhiều vấn đề quan trọng khác của các ngành khác nhau.

7. Nhân khẩu chia theo trình độ văn hóa:

Chỉ tiêu này nhằm mục đích xác định rõ số người biết chữ, mù chữ và trình độ học thức của nhân dân theo từng lớp, từng cấp giáo dục, từng giới và từng dân tộc, để làm căn cứ lập kế hoạch nâng cao trình độ giáo dục của nhân dân.

8. Nhân khẩu lao động trong các ngành kinh tế quốc dân:

Tài liệu này có ý nghĩa kinh tế quan trọng về nhiều mặt. Nó phản ánh lên tình hình phát triển kinh tế quốc dân. Tài liệu này giúp chúng ta nghiên cứu tình hình phân chia nhân lực trong các nghề, ngành kinh tế quốc dân trong khu vực sản xuất và không sản xuất, số người chưa có việc làm và cả số người không làm việc, để có kế hoạch phân phối đào tạo cán bộ và lao động, điều chỉnh nhân lực, để tổ chức và sử dụng lao động được hợp lý.

V. MỐC THỜI GIAN

Lấy 0 giờ ngày 1 tháng 3 năm 1960, tức là 0 giờ ngày 4 tháng 2 năm Canh tý là giờ thống nhất làm mốc để tính số nhân khẩu trong toàn miền Bắc.

- Mốc thời gian là một điểm thời gian nhất định được ấn định làm căn cứ chung cho cả miền Bắc để thống nhất tính tổng số nhân khẩu thường trú ở khắp các địa phương cho khỏi trùng và khỏi sót.

VI. PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA

1. Phương pháp đăng ký:

Đối với tất cả những hạng mục đã nói ở trên, khi điều tra, đều tiến hành *điều tra toàn diện* và *điều tra trực tiếp*. Trong trường hợp không thể điều tra trực tiếp được thì mới *điều tra gián tiếp*.

a) *Điều tra toàn diện* là đăng ký tất cả mọi nhân khẩu không được bỏ sót một người nào và đăng ký theo các hạng mục đã ghi trong phiếu đăng ký nhân khẩu. Không một địa phương, cơ quan hoặc cấp nào được tự ý thay đổi các hạng mục trong phiếu đăng ký, làm ảnh hưởng đến công tác tổng hợp chung của toàn bộ cuộc điều tra sau này. Mọi phương pháp điều tra khác như chọn mẫu điển hình... đều không được áp dụng trong cuộc điều tra này.

b) *Điều tra trực tiếp*: là cán bộ điều tra trực tiếp gặp và hỏi từng chủ hộ hoặc đại biểu của mỗi hộ, hoặc từng cá nhân trong hộ để đăng ký tất cả những nhân khẩu trong hộ đó.

Khi tổ chức đăng ký thì căn cứ vào khả năng cán bộ điều tra và tình hình địa lý, dân cư của địa phương mà áp dụng biện pháp điều tra trực tiếp trước những hình thức khác nhau.

Chung đối với các địa phương có đủ điều tra viên thì nên và cần áp dụng cách cán bộ điều tra trực tiếp đến từng nhà để trực tiếp hỏi và đăng ký. Đó là cách tốt nhất để bảo đảm mức độ chính xác cao nhất cho tài liệu điều tra.

Đến trực tiếp từng nhà để đăng ký, cán bộ điều tra có điều kiện thuận tiện nhất để trực tiếp hỏi, trực tiếp nghe, trực tiếp trông thấy từng người, qua đó có thể tìm hiểu sâu được và phát hiện được những vấn đề trùng, sót về nhân khẩu, những sai sót trong khi kê khai các hạng mục cần điều tra như về tuổi, văn hóa, v.v... Cán bộ điều tra đến tận nhà thì dân không phải đi, đỡ phiền phức cho dân và trong mỗi hộ cũng có điều kiện thuận lợi để giúp đỡ kê khai được tốt hơn.

Đối với một số vùng ở miền núi, như vùng cao, vùng giữa và một số vùng thấp mà phong trào quần chúng còn yếu, thiếu cán bộ, trình độ văn hóa còn quá thấp, địa lý quá rộng, dân cư quá phân tán, nếu không đủ cán bộ điều tra, không đủ thời gian để đi đến từng nhà thì cán bộ điều tra tới từng xóm, bản triệu tập mấy chủ hộ ở gần nhau trong xóm, bản hoặc từng chòm, xóm nhỏ năm bảy nhà một để tiến hành đăng ký lần lượt ở cùng một chỗ. Trường hợp có hộ ở lẻ, hẻo lánh xa các xóm bản như thường gặp ở vùng giữa (lưng chừng núi), cán bộ điều tra không nên áp dụng hình thức trên mà cần cố gắng khắc phục khó khăn để trực tiếp tới hộ mà đăng ký.

- Cách này tuy không có đầy đủ những thuận lợi như cách đến từng nhà, nhưng về căn bản, vẫn là trực tiếp với chủ hộ hoặc đại biểu hộ, nếu công tác tuyên truyền, giáo dục và chuẩn bị làm được tốt thì vẫn bảo đảm được mức độ chính xác của tài liệu điều tra.

Khi áp dụng cách này, cần tránh tình trạng tập trung đông chủ hộ cả chòm, xóm, thôn lớn, cán bộ điều tra không đủ thời gian đăng ký hết trong một buổi làm cho dân phải chờ đợi lâu gây trở ngại đến công việc làm ăn, sản xuất của dân và cán bộ điều tra không hỏi được kỹ, đăng ký vội vàng dễ ghi sai làm ảnh hưởng đến chất lượng tài liệu điều tra.

Đối với các hộ tập thể (cơ quan, đoàn thể, công trường, nông, lâm trường, xí nghiệp quốc doanh, v.v...) thì cán bộ điều tra trực tiếp với từng người ở trong hộ tập thể để hỏi và đăng ký tại chỗ ở, chứ không đăng ký qua chủ hộ tập thể, qua cán bộ phụ trách của cơ quan, đoàn thể..., hoặc người phụ trách về tổ chức nhân sự đăng ký thay và tránh tổ chức đăng ký tại nơi và trong giờ làm việc.

c) *Điều tra gián tiếp*: Phương pháp điều tra gián tiếp chỉ áp dụng đối với các trường hợp cả hộ hay nhân khẩu thường trú đi vắng trong suốt thời gian địa phương tiến hành đăng ký nhân khẩu.

Điều tra gián tiếp bằng cách hỏi những người láng giềng của hộ đi vắng, hỏi những người hiểu biết về hộ đó hoặc hỏi cán bộ địa phương, kết hợp với việc khai thác, đối chiếu những tài liệu sẵn có như sổ danh sách cử tri, hồ sơ lý lịch, v.v... và các tài liệu chuẩn bị trước khi đăng ký dự phòng các trường hợp hộ đi vắng xa, lâu, không có mặt trong thời gian tiến hành đăng ký.

2. Phương pháp kiểm tra:

Để đảm bảo cho tài liệu điều tra được chính xác, đáng tin cậy, cần phải chú trọng công tác kiểm tra ngay từ khi bắt đầu tới khi làm xong công tác đăng ký. Công tác kiểm tra phải được tiến hành xen kẽ với công tác đăng ký. Phải làm cho mỗi cán bộ điều tra nhận rõ và luôn luôn có ý thức làm công tác kiểm tra đồng thời với công tác đăng ký (vừa đăng ký, vừa kiểm tra và đối chiếu ngay tại chỗ sau từng buổi, từng ngày đăng ký và sau khi đăng ký xong).

Các cấp lãnh đạo, chỉ đạo phải bố trí lực lượng cán bộ kiểm tra thích đáng để giúp cho công tác chỉ đạo được sắc bén, kịp thời, tránh tình trạng sau khi giao nhiệm vụ rồi thôi, khoán trắng, buông trôi. Về nội dung kiểm tra thì trước khi đăng ký, cần kiểm tra nắm vững số nóc nhà, số hộ và nhân khẩu để không bỏ sót hộ, sót người. Trong quá trình đăng ký, cần kết hợp kiểm tra chặt chẽ để không bỏ sót, không ghi trùng một hộ nhân khẩu nào và cũng không ghi sai chệch một hạng mục nào. Sau khi đăng ký xong, từng thôn, xóm đường phố đều họp các cán bộ điều tra và cán bộ xã, xóm, đường phố ở nơi đó để kiểm tra toàn bộ nội dung tài liệu đã đăng ký xong.

Yêu cầu của công tác, kiểm tra là :

— Đảm bảo tuyệt đối chính xác về hộ, và nhân khẩu, không bỏ sót, không tính trùng một người.

— Cố gắng đảm bảo chính xác về các chỉ tiêu khác.

3. Phương pháp kiểm tra lại:

Để đánh giá được trình độ chính xác của tài liệu điều tra và tính được tỷ lệ trùng, sót nhân khẩu dùng vào việc chỉnh lý số liệu tổng hợp của toàn cuộc điều tra thì sau khi đăng ký xong, mỗi khu, thành phố, tỉnh tiến hành một đợt kiểm tra lại ở một số đơn vị hành chính cơ sở nhất định vào khoảng 10% nhân khẩu.

Mỗi huyện ở miền xuôi và mỗi thị xã, tập trung một số cán bộ có kinh nghiệm, tổ chức kiểm tra lại ở một số xóm, hay phố trong khoảng từ 1/4 đến 1/3 số xã và khoảng 10% dân số trong địa phương, tránh làm dân ở tất cả các xã hay phố, hoặc tập trung trong một số quá ít xã. Nên chọn những đơn vị tiêu biểu được cho địa phương về các mặt: tình hình di động dân số của địa phương, phong trào của địa phương (vào loại trung bình), công tác điều tra dân số của địa phương (vào loại trung bình). Ở miền núi, do tình hình có nhiều khó khăn, địa lý dân cư phân tán, giao thông trở ngại, thiếu cán bộ, tình hình dân số các vùng rẻo cao và rẻo giữa ít di động, việc kiểm tra lại chỉ nên tiến hành ở vùng thấp và chỉ nên cố gắng làm trong phạm vi 5 — 6% nhân khẩu vùng thấp và cũng làm gọn trong một số xóm, bản thuộc một số xã nhất định.

Công tác kiểm tra lại do cấp huyện, quận, châu, thị xã và khu phố trực tiếp phụ trách, dưới sự chỉ đạo của cấp khu, thành, tỉnh.

Yêu cầu trọng tâm của công tác kiểm tra lại là phát hiện và thống kê những trường hợp ghi trùng, bỏ sót về hộ và nhân khẩu và tìm nguyên nhân của việc trùng, sót đó.

4. Phương pháp tổng hợp:

Công tác tổng hợp là một công tác hết sức quan trọng trong toàn bộ công tác điều tra dân số. Công tác này lại rất phức tạp, khó khăn và nó là công tác quan trọng cuối cùng để hoàn thành nhiệm vụ của cuộc điều tra dân số; do đó Ủy ban Hành chính các cấp cần nhận thức đúng mức về công tác này để lãnh đạo chặt chẽ bố trí đủ cán bộ có tinh thần trách nhiệm cao và có trình độ tổng hợp để làm công tác này.

Nếu công tác tổng hợp làm không được tốt thì dù công tác đăng ký có làm tốt, nhưng cuối cùng vẫn không thu thập được tài liệu chính xác, làm cho cuộc điều tra không đem lại kết quả và như vậy gây ra lãng phí về nhân lực và tiền của.

Tổ chức tổng hợp sẽ phân cấp như sau:

Cấp xã, thị trấn, khu phố: tổng hợp 4 chỉ tiêu:

— Tổng số nhân khẩu.

— Nhân khẩu chia theo nam nữ.

— Nhân khẩu chia theo dân tộc.

— Nhân khẩu từ 18 tuổi trở lên.

Cấp huyện, quận, châu, thị xã: Tổng hợp chung toàn huyện, quận, châu, thị xã theo 4 chỉ tiêu trên do các xã, thị trấn, khu phố đã tổng hợp và chia theo từng xã, thị trấn, khu phố.

Cấp khu, thành phố, tỉnh: Tổng hợp chung toàn khu, thành phố, tỉnh theo 4 chỉ tiêu trên, huyện, quận, châu, thị xã đã tổng hợp, chỉnh lý tài liệu tổng hợp toàn khu, thành phố, tỉnh và tổng hợp thêm 5 chỉ tiêu: nhân khẩu chia theo thành thị và nông thôn, chia theo các đơn vị hành chính trực thuộc của toàn khu, thành phố và tỉnh, chia theo tuổi, trình độ văn hóa và các ngành kinh tế quốc dân.

Trong khi các cấp làm nhiệm vụ tổng hợp, khu, thành phố, tỉnh cần cử cán bộ đi trực tiếp kiểm tra, giúp đỡ và đôn đốc các huyện, quận, châu và thị xã về công tác này để công việc tổng hợp ở các cấp được tốt, nhanh và gọn.

Cấp Trung ương: Tổng hợp toàn bộ 8 chỉ tiêu nói trên của toàn miền Bắc, dựa trên cơ sở tài liệu tổng hợp của các khu, thành phố, tỉnh và các tài liệu của các ngành công an, quân đội, ngoại giao, v.v.

VII. THỜI GIAN TIẾN HÀNH

Việc bố trí thời gian cho toàn bộ công tác điều tra dân số từ nay tới khi hoàn thành, quy định như sau:

1. Thời gian chuẩn bị (từ nay đến ngày 10-2-1960).

Từ nay đến ngày 26-1-1960, các khu, thành, tỉnh, huyện, quận, châu, thị xã, xã và các ngành tiến hành gấp và hoàn thành tốt những công tác chuẩn bị cho điều tra dân số như đã hướng dẫn từ sau hội nghị tổng kết thi diêm Hải dương, Lào cai và ở hội nghị điều tra dân số đã triệu tập hồi tháng 12-1959 tại Trung ương. Các ngành ở Trung ương cần chỉ thị cho các đơn vị trực thuộc xúc tiến công tác chuẩn bị và phối hợp chặt chẽ với địa phương trong việc phân công tổ chức đăng ký nhân khẩu.

Từ ngày 1-2-1960 đến ngày 10-2-1960, khu, thành, tỉnh và cấp huyện, thị xã tập trung lực lượng, mở hội nghị học tập, huấn luyện cán bộ điều tra dân số các cấp, bố trí cán bộ xuống xã, thị trấn, khu phố tiến hành công tác điều tra dân số. Sau hội nghị này, các tỉnh, khu phải báo cáo đầy đủ tới Ban chỉ đạo điều tra dân số Trung ương danh sách địa diêm dân cư tổng hợp toàn tỉnh, khu, chia theo từng huyện, thị xã (trừ những xã không thể tự cử được điều tra viên như nhiều xã rẻo cao), báo cáo này phải gửi tới Trung ương vào ngày 15-2-1960.

• 2. Thời gian tiến hành ở xã, thị trấn và khu phố.

(Từ ngày 12-2 ở miền xuôi, 14-2 ở miền núi đến ngày 10-3 năm 1960). Chia làm 3 bước công tác:

• a) Bước 1 (tới ngày 29-2-1960).

— 3 ngày: căn bộ về phụ trách và cán bộ cơ sở tìm hiểu nắm tình hình đơn vị mình phụ trách về các mặt: di biến động về nhân khẩu, lập danh sách địa điểm dân cư, danh sách chủ hộ và tiến hành các công việc chuẩn bị trong cấp lãnh đạo xã, duyệt lại danh sách cán bộ điều tra cơ sở, bắt đầu tuyên truyền chung trong nhân dân. Tới đây, ở những xã miền núi, không tự cử được điều tra viên, do đa số cán bộ trên cơ sở về, phải báo cáo đầy đủ về huyện, tỉnh, danh sách địa điểm dân cư. Báo cáo này gửi chậm nhất là vào ngày 20-2-1960. Huyện, tỉnh phải hoàn chỉnh báo cáo tổng hợp danh sách địa điểm dân cư toàn huyện và tỉnh. Huyện gửi tỉnh, khu và Trung ương. Tỉnh, khu gửi Trung ương *chậm nhất vào ngày 25-2-1960*.

— Từ 3 đến 4 ngày: mở hội nghị học tập, huấn luyện cán bộ cơ sở và điều tra viên, khảo sát trình độ điều tra viên.

— Từ 3 đến 5 ngày: tổ chức học tập, tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về công tác điều tra dân số để toàn dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa điều tra dân số và tích cực chuẩn bị kê khai.

Sau đó, tổ chức kiểm tra lại toàn bộ công tác chuẩn bị trong đó chú trọng kiểm tra, chỉnh lý lại ranh giới, danh sách địa điểm dân cư và chủ hộ, bố trí cán bộ điều tra và tiếp tục tuyên truyền trong nhân dân chuẩn bị tốt về mọi mặt cho việc đăng ký.

b) Bước 2 (5 ngày ở miền xuôi và 7 ngày ở miền núi).

Bắt đầu từ 7 giờ sáng ngày 1 tháng 3-1960, tiến hành đăng ký nhân khẩu, kết hợp kiểm tra xen kẽ.

Sau khi đăng ký xong, từng xóm và đường phố tiến hành kiểm tra tập thể và gián tiếp.

c) Bước 3 (từ ngày kết thúc việc đăng ký tới ngày 10-3-1960).

— Tổng hợp chung ở xã, thị trấn và khu phố, đồng thời tiến hành công tác kiểm tra lại ở các đơn vị dân cư được chọn, tổng kết công tác ở xã, thị trấn, khu phố. Sau đó báo cáo lên cấp huyện, thị xã.

Xã miền xuôi chậm nhất phải gửi báo cáo vào ngày 10-3-1960, xã miền núi chậm nhất cũng phải gửi báo cáo vào ngày 12-3-1960. Xã cần cố gắng báo cáo sớm trước thời hạn này về 3 chỉ tiêu tổng số nhân khẩu chia theo nam, nữ và số nhân khẩu từ 18 tuổi trở lên, tới Huyện vào ngày 10-3-1960. Sau đó sẽ báo cáo tiếp chỉ tiêu tổng hợp dân tộc và kết quả kiểm tra lại vào thời hạn trên kèm theo đủ tài liệu đã đăng ký, kiểm tra lại biểu tổng hợp và báo cáo tổng kết.

Sau khi đăng ký xong, cấp xã vẫn tiếp tục đăng ký bổ sung cho tới hết ngày 15-3-1960, chỉnh lý lại tài liệu đã tổng hợp và báo cáo lên huyện toàn bộ

số liệu tổng hợp theo 4 chỉ tiêu đã định ở trên. Báo cáo này là báo cáo số liệu chính thức và phải gửi vào ngày 17-3-1960.

Trong khoảng thời gian kể trên từ khi xã, thị trấn, khu phố tập trung lực lượng tổ chức huấn luyện rồi tuyên truyền học tập trong nhân dân, tới khi đăng ký, kiểm tra tập thể xong, công tác điều tra dân số lúc này là công tác trung tâm đột xuất, tất cả các công tác cần thiết khác là công tác kết hợp. Ở những đơn vị được chọn để kiểm tra lại, công tác kiểm tra lại vẫn ở trong đợt công tác trung tâm đột xuất tới khi hoàn thành. Trong thời gian này, lực lượng lãnh đạo, lực lượng cán bộ và nhân dân cần tập trung cao độ vào công tác điều tra dân số, nhất là ở đơn vị hành chính cơ sở (xã, thị trấn, khu phố), để đảm bảo yêu cầu điều tra dân số làm tốt, nhanh, gọn trong phạm vi toàn miền Bắc.

Đối với các vùng hẻo lánh, xa xôi, tình hình nhân khẩu biến động không nhiều do điều kiện khó khăn về giao thông, địa lý quá rộng, dân cư quá thưa, v.v... như một số vùng rẻo cao ở miền núi, một số hải đảo, để đảm bảo hoàn thành công tác đăng ký vào cùng một thời gian với toàn quốc, có thể tiến hành đăng ký trước mốc thời gian ít ngày kể từ 20-2-1960 trở đi diện điều tra trước mốc thời gian cần cố gắng thu hẹp. Khi nghiên cứu xét thấy vùng nào cần tiến hành điều tra trước mốc thời gian, khu, tỉnh nên có kế hoạch bố trí sớm trước và cần phải báo cáo cho Ban chỉ đạo điều tra dân số Trung ương rõ từng đơn vị, phạm vi và ngày tiến hành đăng ký trước khi địa phương bố trí thực hiện.

3. Thời gian tổng hợp và báo cáo tổng hợp từ cấp huyện tới Trung ương.

— Sau khi cấp xã, thị trấn đã có báo cáo gửi vào ngày 10-3-1960 (miền xuôi) và 12-3-1960 (miền núi) lên huyện về kết quả tổng hợp số liệu đã đăng ký và kiểm tra lại (ở những nơi có tổ chức kiểm tra lại) thì cấp huyện thị xã, quận, châu, cần tổ chức tổng hợp gấp 4 chỉ tiêu, tổng số nhân khẩu, chia theo nam, nữ, chia theo thị trấn, nông thôn và từ 18 tuổi trở lên để sơ bộ báo cáo với tỉnh, khu, thành phố và Ban chỉ đạo Điều tra dân số Trung ương. Các huyện, thị xã phải bảo đảm gửi báo cáo tới Trung ương ngày 13-3-1960, các tỉnh, khu, thành phố kịp thời tổng hợp số liệu theo 4 chỉ tiêu tổng số nhân khẩu chia theo nam, nữ, chia theo thành thị, nông thôn và số nhân khẩu từ 18 tuổi trở lên và đảm bảo gửi tới Trung ương ngày 14-3-1960. Các huyện và tỉnh, khu miền núi cố gắng tổ chức báo cáo từ xã lên được nhanh chóng để đảm bảo thời gian báo cáo đã quy định. Các vùng hẻo lánh, xa xôi đã tiến hành sớm trước, đặc biệt nơi nào có nhiều khó khăn có thể báo cáo muộn hơn miền xuôi 2 ngày là chậm nhất. Sau đó cấp huyện tiếp tục chỉnh lý tài liệu, tổng hợp số liệu làm báo cáo chính thức 4 chỉ tiêu do xã đã tổng hợp và chính thức báo cáo chia theo từng đơn vị xã trong huyện và kết quả kiểm tra lại trong phạm vi huyện gửi lên tỉnh, khu, thành phố và Ban Chỉ đạo điều tra dân

số Trung ương. Báo cáo số liệu này cần phải gửi vào ngày 25-3-1960 kèm theo báo cáo lời văn tổng kết công tác điều tra dân số của huyện.

— Trong khoảng từ 15-3-1960 tới 30-5-1960 sau khi các huyện, thị xã đã hoàn thành công tác tổng hợp, tổng kết trên đây, khu, tỉnh, thành phố tiến hành công việc tổng hợp và chỉnh lý tài liệu, tổng kết, báo cáo kết quả với Ban chỉ đạo điều tra dân số Trung ương vào ngày 31-5-1960 về toàn bộ tám chỉ tiêu tổng hợp trên đây.

— Các ngành có kế hoạch đăng ký riêng báo cáo kết quả tới Ban chỉ đạo điều tra dân số Trung ương vào ngày 14-3-1960 bốn chỉ tiêu tổng số nhân khẩu (trong nước), chia theo nam, nữ, chia theo thành thị, nông thôn, từ 18 tuổi trở lên. Tới ngày 30-4-1960, báo cáo với tất cả các chỉ tiêu tổng hợp khác theo quy định đối với tất cả các nhân khẩu trong và ngoài nước.

Để đảm bảo yêu cầu báo cáo số liệu tổng hợp trên đây theo đúng thời hạn quy định, cấp khu tỉnh, thành phố, cấp huyện, thị xã, cấp xã và các ngành có đăng ký riêng, cần đặc biệt chú trọng tổ chức lực lượng tổng hợp có đảm bảo về số lượng cũng như về chất lượng, chỉ đạo chặt chẽ công tác tổng hợp và củng cố kiện toàn tổ chức giao thông liên lạc từ xã và các đơn vị cơ sở lên, đồng thời tìm mọi biện pháp cần thiết để tài liệu báo cáo gửi

— Ở cấp Trung ương, Ban chỉ đạo điều tra dân số báo cáo sơ bộ số liệu tổng hợp kết quả điều tra dân số toàn quốc với Chính phủ vào trước ngày 20-3-1960 theo 4 chỉ tiêu: tổng số nhân khẩu, chia theo nam, nữ, chia theo thành thị, nông thôn và từ 18 tuổi trở lên. Sau đó tiếp tục và hoàn thành tổng hợp toàn bộ số liệu theo 8 chỉ tiêu chính vào ngày 30-6-1960 để báo cáo chính thức với Chính phủ và sẽ công bố kết quả chính thức số liệu điều tra dân số toàn miền Bắc năm 1960.

Ở mỗi cấp, sau khi tổng hợp xong các chỉ tiêu chính quy định cho từng cấp trong kế hoạch này, sẽ tiếp tục tổng hợp các chỉ tiêu cần thiết khác theo nhu cầu của lãnh đạo địa phương và Trung ương và sẽ có hướng dẫn cụ thể sau của Ban chỉ đạo điều tra dân số Trung ương. Trong khi chưa tổng hợp xong các chỉ tiêu chính nói trên, ở các cấp không được tổng hợp thêm chỉ tiêu khác để khỏi ảnh hưởng tới công tác tổng hợp chung của toàn miền Bắc.

Hà nội, ngày 15 tháng 1 năm 1960

T.M. Ban chỉ đạo điều tra dân số trung ương
Bộ trưởng Thủ tướng phủ
Trưởng ban chỉ đạo điều tra dân số
trung ương

ĐÍNH CHÍNH

Công báo số 50 ngày 30-12-1959

Thông tư số 449-TTg ngày 17-12-1959 về việc ban hành điều lệ mẫu hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc thấp:

Trang 816 — Cột bên trái — Trong Mục I. Những điều cần chú ý...

Dòng thứ 16:

Đã in: làm tốt công tác quản lý hợp tác xã,
Nay sửa lại là: làm tốt công tác quản lý hợp tác xã,...

Dòng cuối cùng

Đã in: phổ biến kinh nghiệm

Nay sửa lại là: phổ biến những hình thức...

- Điều lệ mẫu hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc thấp:

Trang 817 — Cột bên phải — Dòng thứ 34:

Đã in: Xã viên

Nay sửa lại là: Xã viên

Trang 824 — Cột bên trái — Dòng thứ nhất:

Đã in: ...có quá nửa số xã viên đến họp...

Nay sửa lại là... có quá nửa số xã viên hoặc đại

liều xã viên đến họp...

Trang 824 — Cột bên phải — Dòng thứ

Đã in: kiên quyết xây dựng

Nay sửa lại là: kiên quyết xây dựng

